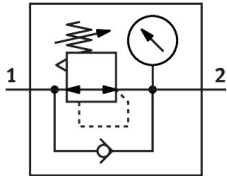


# Bộ điều áp MS4N-LR-1/8-D7-AS

Số bộ phận: 531427

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                                          |
|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                                 | 4                                                                                |
| Dòng                                                       | MS                                                                               |
| bảo vệ hành động                                           | Núm xoay có khóa<br>có thể khóa với các phụ kiện                                 |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                                                           |
| Cấu trúc xây dựng                                          | van điều khiển màng điều khiển trực tiếp                                         |
| chức năng điều khiển                                       | Áp suất đầu ra không đổi<br>với hệ thống xả thứ cấp<br>Với chức năng dòng trả về |
| Bộ hiển thị áp suất                                        | với áp kế                                                                        |
| Áp suất vận hành                                           | 0.08 MPA...1.4 MPA<br>0.8 bar...14 bar                                           |
| Phạm vi điều chỉnh áp suất                                 | 0.5 bar...12 bar                                                                 |
| Độ trễ áp suất tối đa                                      | 0.025 MPA<br>0.25 bar<br>3.625 psi                                               |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 1000 l/ph                                                                        |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]<br>Khí trơ                                  |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                    |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                           |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                                                                |
| Nhiệt độ bảo quản                                          | -10 °C...60 °C                                                                   |
| Phù hợp với thực phẩm                                      | xem thông tin tài liệu bổ sung                                                   |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -10 °C...60 °C                                                                   |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -10 °C...60 °C                                                                   |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 225 g                                                                            |
| Kiểu gắn                                                   | Lắp bảng điều khiển phía trước<br>Lắp đặt đường dây<br>với phụ kiện<br>tùy ý:    |
| Cổng nối khí nén 1                                         | 1/8 NPT                                                                          |
| Cổng nối khí nén 2                                         | 1/8 NPT                                                                          |
| Ghi chú vật liệu                                           | Tuân thủ RoHS                                                                    |

| Đặc tính                 | Giá trị         |
|--------------------------|-----------------|
| Vật liệu tấm kết nối     | Nhôm đúc áp lực |
| Vật liệu bảng điều khiển | PA<br>POM       |
| Vật liệu cửa phốt        | NBR             |
| Vật liệu vỏ              | Nhôm đúc áp lực |
| Màng vật liệu            | NBR             |